

Hà Nội, ngày **12** tháng 01 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định 84/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 – 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban Dân tộc (theo phụ lục đính kèm).

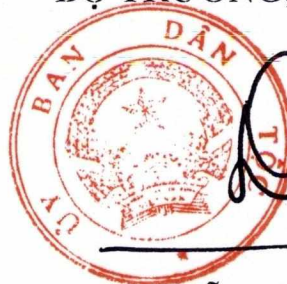
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2016.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Chính sách Dân tộc, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBNDT;
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm UBNDT;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cơ quan công tác dân tộc cấp tỉnh;
- Công TTĐT Ủy ban Dân tộc;
- Lưu: VT, CSDT(02). **61**

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Đỗ Văn Chiến

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC
NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC
(Ban hành kèm theo Quyết định số **17** /QĐ-UBND ngày **12** tháng 01 năm 2017
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

PHẦN I.
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
I	Thủ tục hành chính cấp Trung ương	01 thủ tục	Ủy ban Dân tộc
1	Xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020	Dân tộc	
II	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
III	Thủ tục hành chính cấp huyện		
IV	Thủ tục hành chính cấp xã		

PHẦN II.
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA ỦY BAN DÂN TỘC

1. Trình tự thực hiện

Quy trình xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, II, I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi được thực hiện theo trình tự sau:

a) Cấp xã: Căn cứ tiêu chí quy định tại Điều 2, Điều 3 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg và các điều kiện cụ thể của xã, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo các thôn tổ chức xác định thôn đặc biệt khó khăn; tổ chức xác định xã thuộc khu vực III, II, I; lập báo cáo gửi Ủy ban nhân dân huyện về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, hồ sơ gửi cấp huyện không quá 20 ngày làm việc;

b) Cấp huyện: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các xã, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổng hợp và lập báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện, hồ sơ gửi cấp tỉnh thẩm định không quá 10 ngày làm việc;

c) Cấp tỉnh: Sau khi nhận đủ hồ sơ của các huyện, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định (Cơ quan công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành liên quan thẩm định). Căn cứ kết quả thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh lập Báo cáo thẩm định và đề nghị Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định, thời gian thẩm định và hoàn thành các thủ tục, hồ sơ gửi cấp Trung ương không quá 15 ngày làm việc;

d) Cấp Trung ương: Sau khi nhận đủ hồ sơ về kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định, Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên

quan rà soát, kiểm tra và tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định không quá 30 ngày làm việc.

2. Cách thức thực hiện:

- a) Qua bưu điện;
- b) Qua thư điện tử;
- c) Nộp trực tiếp tại Trụ sở Ủy ban Dân tộc.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- a. Hồ sơ cấp xã gửi cấp huyện: 2 bộ, gồm:
 - Bảng đánh giá của các thôn về mức độ đạt hoặc không đạt tiêu chí quy định tại Điều 2 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg;
 - Danh sách thôn được xác định thuộc diện đặc biệt khó khăn và thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn;
 - Báo cáo về kết quả xác định xã thuộc khu vực III, II, I.
- b. Hồ sơ cấp huyện gửi cấp tỉnh: 01 bộ, gồm:
 - Báo cáo đánh giá kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc khu vực III, II, I kèm: Bảng tổng hợp danh sách các xã thuộc khu vực III, II, I; bảng tổng hợp danh sách các thôn (bao gồm cả thôn đặc biệt khó khăn và thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn);
 - Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh thẩm định kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi;
 - 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg.
- c. Hồ sơ cấp tỉnh gửi Ủy ban Dân tộc: 01 bộ, gồm:
 - Báo cáo kết quả xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi, kèm danh sách tổng hợp thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, II, I gửi Ủy ban Dân tộc tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

- Báo cáo thẩm định và các văn bản, tài liệu chứng minh kèm theo.

4. Thời hạn giải quyết:

Đối với hoạt động rà soát thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, II, I: Thời gian hoàn thành tất cả các bước từ cấp xã đến Trung ương không quá 75 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Người có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban Dân tộc, UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hành chính.

8. Lệ phí: Không.

9. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- a) Thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 2, Điều 3 Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

b) Việc xác định được tiến hành theo đúng quy trình, thủ tục quy định tại Điều 4, Điều 5 Quyết định 50/2016/QĐ-TTg, đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng.

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;

ỦY BAN DÂN TỘC